

**Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn
Đệt May Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số	0106000697	Ngày 9 tháng 5 năm 2006
	0106000697	Ngày 28 tháng 12 năm 2006
	0106000697	Ngày 22 tháng 8 năm 2007
	0106000697	Ngày 3 tháng 11 năm 2008
	0106000697	Ngày 12 tháng 12 năm 2009
	0100100008	Ngày 27 tháng 10 năm 2010

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty được sửa đổi nhiều lần, lần gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100008 ngày 27 tháng 10 năm 2010. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Thành viên

Ông Vũ Đức Giang	Chủ tịch
Ông Trần Quang Nghị	Ủy viên
Ông Lê Tiến Trường	Ủy viên
Ông Phạm Duy Hạnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Khánh Sơn	Ủy viên

Cơ Quan Tổng Giám đốc

Ông Trần Quang Nghị	Tổng Giám đốc
Ông Lê Tiến Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Duy Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Nguyễn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Phổ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Vệ Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Ngọc Dung	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 4 tháng 1 năm 2013)
Ông Bùi Nguyên Tiến	Giám đốc Điều hành
Ông Ưông Tiến Thịnh	Giám đốc Điều hành
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Giám đốc Điều hành
Ông Phạm Hòa Bình	Giám đốc Điều hành
Ông Phạm Văn Tân	Giám đốc Điều hành (từ ngày 3 tháng 4 năm 2013)
Ông Đặng Vũ Hùng	Giám đốc Điều hành (từ ngày 3 tháng 4 năm 2013)
Ông Phạm Phú Cường	Giám đốc Điều hành (từ ngày 3 tháng 4 năm 2013)
Ông Vũ Sỹ Nam	Giám đốc Điều hành (đến ngày 1 tháng 7 năm 2012)

Trụ sở đăng ký

25 Phố Bà Triệu
 Quận Hoàn Kiếm
 Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
 Việt Nam

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam ("Tập đoàn Dệt May Việt Nam") tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Trần Quang Nghị
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 20 tháng 6 năm 2013



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Hội đồng Thành viên
Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng đính kèm của Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Tập đoàn Dệt May Việt Nam”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 6 năm 2013, được trình bày từ trang 5 đến 44. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính riêng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Cơ quan Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011, một số khoản đầu tư tài chính dài hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu và các cổ phiếu niêm yết hoặc được giao dịch phổ biến trên thị trường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang có dấu hiệu giảm giá. Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC (“Thông tư 228”) về việc lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính. Theo Quyết định số 5151/QĐ-BCT ngày 7 tháng 10 năm 2011 của Bộ Công thương, Tập đoàn sẽ thực hiện cổ phần hóa tại thời điểm ngày 1 tháng 1 năm 2012. Về vấn đề này Cơ Quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam có ý kiến cho rằng hiện tại Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trình cơ quan có thẩm quyền về việc cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo phương án đặc thù, theo đó các khoản đầu tư tài chính dài hạn được đánh giá lại dựa trên nguyên tắc lấy khoản đầu tư tăng trừ đi khoản đầu tư giảm, số chênh lệch được hạch toán vào vốn nhà nước tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011. Nếu dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 31 tháng 12 năm 2012 được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228:

- dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ tăng và giảm tương ứng là 83.197 triệu VND và 62.398 triệu VND;
- dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ tăng và giảm tương ứng là 137.963 triệu VND và 103.472 triệu VND;
- chi phí tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ tăng 83.197 triệu VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ giảm lần lượt 20.799 triệu VND và 62.398 triệu VND; và
- chi phí tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ tăng 54.766 triệu VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ giảm lần lượt 13.692 triệu VND và 41.074 triệu VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại phần Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán: 12-02-212




Trần Hằng Thu

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0877/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2013



Nguyễn Minh Hiếu

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.1572/KTV

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.308.126.295.064	1.102.267.052.816
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	460.776.683.009	148.151.439.720
Tiền	111		37.134.771.815	11.351.439.720
Các khoản tương đương tiền	112		423.641.911.194	136.800.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	125.000.000.000	36.000.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		125.000.000.000	36.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	717.880.853.078	910.572.314.042
Phải thu khách hàng	131		41.801.229.673	47.273.044.524
Trả trước cho người bán	132		2.357.186.872	1.188.522.146
Các khoản phải thu khác	135		703.906.312.733	892.294.623.572
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(30.183.876.200)	(30.183.876.200)
Hàng tồn kho	140	7	1.875.891.436	2.072.394.324
Hàng tồn kho	141		1.875.891.436	2.072.394.324
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.592.867.541	5.470.904.730
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		115.080.603	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		89.209.128	3.624.692.810
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.388.577.810	1.846.211.920

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		3.277.002.041.309	3.271.874.800.544
Các khoản phải thu dài hạn	210	6	50.038.000.000	58.397.078.000
Phải thu dài hạn khác	218		50.038.000.000	58.397.078.000
Tài sản cố định	220		284.534.908.826	303.839.035.124
Tài sản cố định hữu hình	221	8	183.125.185.822	214.635.362.027
Nguyên giá	222		395.983.666.002	394.199.747.344
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(212.858.480.180)	(179.564.385.317)
Tài sản cố định vô hình	227	9	56.656.209.592	58.094.932.539
Nguyên giá	228		63.145.078.600	63.145.078.600
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.488.869.008)	(5.050.146.061)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	44.753.513.412	31.108.740.558
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	2.912.588.103.111	2.877.237.153.111
Đầu tư vào công ty con	251		1.442.051.421.745	1.702.301.421.745
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	252		892.746.065.000	598.741.565.000
Đầu tư dài hạn khác	258		633.798.768.659	632.202.318.659
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(56.008.152.293)	(56.008.152.293)
Tài sản dài hạn khác	260		29.841.029.372	32.401.534.309
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	24.517.095.632	27.090.380.809
Tài sản dài hạn khác	268		5.323.933.740	5.311.153.500
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.585.128.336.373	4.374.141.853.360

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		409.867.095.246	445.910.468.003
Nợ ngắn hạn	310		385.104.032.633	383.817.675.763
Vay dài hạn đến hạn trả	311	16	265.240.000.000	265.240.000.000
Phải trả người bán	312		3.069.084.613	9.730.996.534
Người mua trả tiền trước	313		1.285.101.749	430.078.550
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314		5.450.172.467	3.410.264.884
Phải trả người lao động	315		17.390.024.867	19.623.652.685
Chi phí phải trả	316	14	44.681.173.388	15.668.619.897
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	15.601.734.506	36.985.727.866
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		32.386.741.043	32.728.335.347
Vay và nợ dài hạn	330		24.763.062.613	62.092.792.240
Phải trả dài hạn khác	333		-	791.829.324
Vay dài hạn	334	16	24.763.062.613	60.403.062.613
Dự phòng trợ cấp thôi việc	337		-	5.529.706
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	892.370.597
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		4.175.261.241.127	3.928.231.385.357
Vốn chủ sở hữu	410	17	4.175.261.241.127	3.928.231.385.357
Vốn góp	411	18	3.400.000.000.000	3.400.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	91.880.932
Quỹ đầu tư phát triển	417	19	18.400.900.268	13.391.671.646
Quỹ dự phòng tài chính	418	19	71.134.427.313	48.144.714.053
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	19	154.867.624.985	155.862.966.151
Lợi nhuận chưa phân phối	420		361.380.020.978	171.170.029.958
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	19	42.133.829.000	42.133.829.000
Quỹ sắp xếp lại doanh nghiệp	422	19	127.344.438.583	97.436.293.617
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.585.128.336.373	4.374.141.853.360

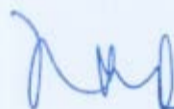
Ngày 20 tháng 6 năm 2013

Người lập



Đặng Thị Hải
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
Trưởng Ban Tài chính



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

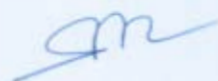
Mẫu B 02 - DN

PHẦN I: BÁO CÁO LÃI LỖ

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu	01	20	116.170.405.684	99.512.656.035
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	-	90.909
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	20	116.170.405.684	99.512.565.126
Giá vốn hàng bán	11	21	70.960.973.308	66.862.531.234
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		45.209.432.376	32.650.033.892
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	357.700.491.537	339.749.270.649
Chi phí tài chính	22	23	27.384.531.043	(1.815.904.276)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		26.173.208.688	13.772.830.703
Chi phí bán hàng	24		43.852.773	693.814.403
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		145.081.596.843	158.584.811.575
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		230.399.943.254	214.936.582.839
Thu nhập khác	31		1.449.914.566	8.418.982.968
Chi phí khác	32		1.952.724.800	7.344.495.234
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(502.810.234)	1.074.487.734
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		229.897.133.020	216.011.070.573
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		229.897.133.020	216.011.070.573

Ngày 20 tháng 6 năm 2013

Người lập



Đặng Thị Hải
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt



Phạm Văn Tân
Trưởng Ban Tài chính



Trần Quang Nghị
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 02 - DN

PHẦN II: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Mã số	Số còn phải nộp năm trước VND	Số phát sinh phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	35.174.998	5.242.993.377	(4.238.897.633)	1.039.270.742
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	-	741.144.669	(741.144.669)	-
<i>Xi nghiệp sản xuất kinh doanh Áo vệt Hải Phòng</i>	35.174.998	4.501.848.708	(3.497.752.964)	1.039.270.742
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	7.103.389	(7.103.389)	-
<i>Xi nghiệp sản xuất kinh doanh Áo vệt Hải Phòng</i>	-	7.103.389	(7.103.389)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	8.310.372	(8.310.372)	-
<i>Xi nghiệp sản xuất kinh doanh Áo vệt Hải Phòng</i>	-	8.310.372	(8.310.372)	-
Tiền thuế đất	251.808.000	2.626.195.856	(1.278.807.848)	1.599.196.008
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	-	1.014.548.154	(1.014.548.154)	-
<i>Văn phòng Hồ Chí Minh</i>	251.808.000	1.611.647.702	(264.259.694)	1.599.196.008
Các loại thuế khác	3.123.281.886	2.148.978.273	(2.460.554.442)	2.811.705.717
+ Thuế môn bài	-	6.000.000	(6.000.000)	-
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<i>Văn phòng Hồ Chí Minh</i>	-	1.000.000	(1.000.000)	-
Trung tâm xử lý nước thải KCN Dệt may Phố Nối	-	1.000.000	(1.000.000)	-
<i>Xi nghiệp sản xuất kinh doanh Áo vệt Hải Phòng</i>	-	1.000.000	(1.000.000)	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 02 - DN

Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang VND	Số phát sinh phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau VND
+ Thuế thu nhập cá nhân Văn phòng Hà Nội	384.912.006	2.142.978.273	(2.454.554.442)	73.335.837
Văn phòng Hồ Chí Minh	319.733.992	1.935.827.433	(2.200.473.146)	55.088.279
Trung tâm xử lý nước thải KCN Dệt may Phố Nối	26.797.564	101.018.656	(127.816.220)	-
Xí nghiệp sản xuất kinh doanh Áo vệt Hái Phòng	-	3.538.202	(3.538.202)	-
+ Thuế nhà thầu	38.380.450	102.593.982	(122.726.874)	18.247.558
Trung tâm xử lý nước thải KCN Dệt may Phố Nối	2.738.369.880	-	-	2.738.369.880
	2.738.369.880	-	-	2.738.369.880
40	3.410.264.884	10.033.581.267	(7.993.673.684)	5.450.172.467

Ngày 20 tháng 6 năm 2013

Người lập



Đặng Thị Hải
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
Trưởng Ban Tài chính



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		229.897.133.020	216.011.070.573
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		34.732.817.810	56.459.633.253
Các khoản dự phòng	03		-	(14.499.657.532)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(357.338.521.693)	(294.253.464.748)
Chi phí lãi vay	06		26.173.208.688	13.772.830.703
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(66.535.362.175)	(22.509.587.751)
Biến động các khoản phải thu	09		68.817.945.526	(102.345.321.004)
Biến động hàng tồn kho	10		196.502.888	(1.490.388.935)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(735.925.425)	(5.783.555.219)
Biến động chi phí trả trước	12		2.458.204.574	(13.941.588.923)
			4.201.365.388	(146.070.441.832)
Tiền lãi vay đã trả	13		(3.328.008.688)	(4.801.164.036)
Thuế thu nhập đã nộp	14		-	(1.002.141.520)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		172.608.708	84.367.017.504
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(19.764.077.210)	(20.810.988.102)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(18.718.111.802)	(88.317.717.986)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(15.428.691.512)	(29.087.692.823)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		-	777.872.909
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(151.091.521.000)	(117.831.460.502)
Tiền thu hồi từ việc bán các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		225.797.206.902	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(48.850.000.000)	(281.742.297.056)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		40.955.867.600	44.427.768.354
Tiền giảm do đơn vị phụ thuộc tách ra hoạt động độc lập			-	(13.242.897.422)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		315.600.493.101	271.729.246.762
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		366.983.355.091	(124.969.459.778)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(35.640.000.000)	(35.640.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(35.640.000.000)	(35.640.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		312.625.243.289	(248.927.177.764)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		148.151.439.720	397.078.617.484
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	460.776.683.009	148.151.439.720

Ngày 20 tháng 6 năm 2013

Người lập



Đặng Thị Hải
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
Trưởng Ban Tài chính



Trần Quang Nghị
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Tập đoàn Dệt May Việt Nam”) là một công ty TNHH Một Thành Viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quyết định số 974/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010. Các báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam:

Tên	Thông tin chính
• Trung tâm Xử lý nước thải Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 316934 ngày 6 tháng 8 năm 2003 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
• Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Áo vệt Hải Phòng	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0216000103 ngày 19 tháng 10 năm 2007 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn Nhà nước trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn được Chính phủ Việt Nam giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam với các hoạt động chính như sau:

1 Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
 - Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
 - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, ngân hàng, tư vấn kiểm toán báo cáo tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
 - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
 - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
 - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
- 2 Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 995 nhân viên (31/12/2011: 1.148 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản trong giai đoạn trước hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam thì được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi kết thúc giai đoạn trước hoạt động.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng; và
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc thanh toán các tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Kể từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn Dệt May Việt Nam thay đổi chính sách kế toán về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phi hối tố theo Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái tại doanh nghiệp. Theo chính sách kế toán mới, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chúng phát sinh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 5 – 50 năm
- máy móc và thiết bị 3 – 12 năm
- phương tiện vận chuyển 5 – 10 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 32 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn Dệt May Việt Nam phân loại các công cụ tài chính như sau:

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Cơ quan Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam xếp tài sản tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn Dệt May Việt Nam xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn Dệt May Việt Nam xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Tập đoàn Dệt May Việt Nam xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Cơ quan Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(o) Doanh thu hoạt động tài chính

(i) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	1.747.239.369	648.907.875
Tiền gửi ngân hàng	35.387.532.446	10.702.531.845
Các khoản tương đương tiền	423.641.911.194	136.800.000.000
	460.776.683.009	148.151.439.720

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng và hưởng lãi suất từ 8% đến 9% (năm 2011: 14%) một năm.

6. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thương mại	20.447.947.213	22.127.853.561
Phi thương mại	674.096.811.565	842.626.123.126

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

Trong các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan có 442.553 triệu VND (31/12/2011: 612.178 triệu VND) là các khoản cho vay với lãi suất dao động từ 0% đến 18% (2011: từ 0% đến 17,5%) một năm.

Ngoài các khoản cho vay nói trên, các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các khoản phải thu về cổ phần hóa	18.738.854.396	27.328.828.715
Cổ tức phải thu	203.311.265.049	185.563.168.537
Cho vay	409.944.260.350	571.209.468.252
Tiền lãi	17.080.868.073	11.395.236.087
Chuyển tiền để góp vốn vào một công ty con được thành lập trong năm 2013	25.500.000.000	-
Tiền ứng trước cho Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ để mua cổ phiếu	11.000.000.000	-
Lợi nhuận giữ lại phải thu từ các công ty con	3.547.200.256	4.283.221.027
Phải thu từ bán khoản đầu tư	1.530.000.000	57.686.868.155
Tiền chuyển cho Công ty Cổ phần May Hồ Gươm	5.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư vào công ty con chờ thanh toán	-	20.000.000.000
Các khoản phải thu khác	8.253.864.609	9.827.832.799
	703.906.312.733	892.294.623.572

Các khoản phải thu dài hạn khác phản ánh các khoản cho vay dài hạn như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex	19.847.000.000	-
Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt May Thời trang Hà Nội	14.500.000.000	40.500.000.000
Các công ty khác	15.691.000.000	17.897.078.000
	50.038.000.000	58.397.078.000

Các khoản cho vay này chịu lãi suất năm trong khoảng từ 0% đến 9,6% (2011: từ 0% đến 12%) với thời hạn hoàn trả là 2 năm.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên vật liệu	870.108.122	745.410.026
Công cụ và dụng cụ	118.317.233	129.796.444
Thành phẩm	887.466.081	1.197.187.854
	1.875.891.436	2.072.394.324

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	149.064.324.982	235.873.497.423	6.485.447.114	2.776.477.825	394.199.747.344
Tăng trong năm	-	594.725.976	958.900.000	230.292.682	1.783.918.658
Số dư cuối năm	149.064.324.982	236.468.223.399	7.444.347.114	3.006.770.507	395.983.666.002
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	53.743.854.047	120.030.499.013	4.154.585.365	1.635.446.892	179.564.385.317
Khấu hao trong năm	6.777.194.615	25.141.574.813	790.854.369	584.471.066	33.294.094.863
Số dư cuối năm	60.521.048.662	145.172.073.826	4.945.439.734	2.219.917.958	212.858.480.180
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	95.320.470.935	115.842.998.410	2.330.861.749	1.141.030.933	214.635.362.027
Số dư cuối năm	88.543.276.320	91.296.149.573	2.498.907.380	786.852.549	183.125.185.822

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 12.433 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 10.671 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 120.508 triệu VND (31/12/2011: 159.127 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	62.544.728.600	600.350.000	63.145.078.600
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.001.414.576	48.731.485	5.050.146.061
Khấu hao trong năm	1.250.953.864	187.769.083	1.438.722.947
Số dư cuối năm	6.252.368.440	236.500.568	6.488.869.008
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	57.543.314.024	551.618.515	58.094.932.539
Số dư cuối năm	56.292.360.160	363.849.432	56.656.209.592

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	31.108.740.558	11.773.702.557
Tăng trong năm	13.644.772.854	24.378.758.317
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(2.358.237.417)
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	2.324.062.095
Giảm khác	-	(5.009.544.994)
Số dư cuối năm	44.753.513.412	31.108.740.558

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đầu tư dài hạn dạng vốn chủ sở hữu vào:		
▪ Các công ty con	1.442.051.421.745	1.702.301.421.745
▪ Các công ty liên kết, liên doanh	892.746.065.000	598.741.565.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	633.798.768.659	632.202.318.659
	<hr/>	<hr/>
	2.968.596.255.404	2.933.245.305.404
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(56.008.152.293)	(56.008.152.293)
	<hr/>	<hr/>
	2.912.588.103.111	2.877.237.153.111
	<hr/>	<hr/>

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	2012	2011
	VND	VND
Số dư đầu năm	56.008.152.293	74.520.338.119
Hoàn nhập	-	(18.512.185.826)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	56.008.152.293	56.008.152.293
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

12. Các đơn vị thuộc Tập đoàn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 25 công ty con cấp 1, trong đó các công ty con giữ vai trò quan trọng là:

Tên công ty	31/12/2012		31/12/2011	
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	% quyền biểu quyết
Công ty con				
Công ty Cổ phần Tài chính Dệt May	64,10%	64,10%	320.480.340.000	64,10%
Công ty TNHH MTV Thương Mại	100,00%	100,00%	232.769.284.042	100,00%
Thời Trang Dệt May Việt Nam				
Công ty TNHH Dệt Kim Đông Phương	100,00%	100,00%	174.676.812.548	100,00%
Công ty TNHH NN Một Thành viên Dệt 8/3	100,00%	100,00%	137.616.015.657	100,00%
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	71,62%	71,62%	101.123.800.000	71,62%
Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	29.900.000.000	68,34%
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	57,57%	57,57%	118.026.000.000	57,57%
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	72.997.000.000	53,67%
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Thành Phố Hồ Chí Minh	77,23%	77,23%	34.755.000.000	77,23%
Công ty Dệt kim Đông Xuân	100,00%	100,00%	30.286.901.477	100,00%
Công ty Cổ phần Len Việt Nam	67,15%	67,15%	27.531.200.000	67,15%
Công ty CP SXKD Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	70,52%	70,52%	29.337.000.000	70,52%
Công ty Cổ phần Bông Việt Nam	55,00%	55,00%	27.500.000.000	55,00%

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 30 công ty liên kết, trong đó các công ty liên kết giữ vai trò quan trọng là:

Tên công ty	31/12/2012		31/12/2011			
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
Công ty liên kết						
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	48,88%	48,88%	292.500.000.000	52,00%	52,00%	260.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhà Bè	27,69%	27,69%	50.400.000.000	27,69%	27,69%	50.400.000.000
Công ty Cổ phần Dầu tự Vinatex Tân Tạo	24,55%	24,55%	27.000.000.000	24,55%	24,55%	27.000.000.000
Công ty Cổ phần May Đức Giang	36,76%	36,76%	22.740.680.000	36,76%	36,76%	22.740.680.000
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	40,00%	40,00%	17.360.000.000	40,00%	40,00%	17.360.000.000
Tổng Công ty May 10 - Công ty Cổ phần	36,99%	36,99%	29.593.200.000	36,99%	36,99%	29.593.200.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	47,88%	47,88%	134.059.200.000	47,88%	47,88%	134.059.200.000
Tổng Công ty Việt Thăng - Công ty Cổ phần	49,28%	49,28%	98.550.000.000	49,28%	48,28%	98.550.000.000

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	25.297.665.110	1.792.715.699	27.090.380.809
Tăng trong năm	-	1.791.230.964	1.791.230.964
Phân bổ trong năm	(2.016.536.603)	(2.347.979.538)	(4.364.516.141)
Số dư cuối năm	23.281.128.507	1.235.967.125	24.517.095.632

14. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phí dịch vụ chuyên môn và phí tư vấn	4.937.597.273	2.844.386.364
Chi phí lãi vay	34.998.600.000	12.153.400.000
Chi phí phải trả khác	4.744.976.115	670.833.533
	44.681.173.388	15.668.619.897

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.050.325.554	642.069.886
Phải trả các công ty liên quan	2.554.204.200	27.596.458.565
Lợi nhuận giữ lại của công ty con phải nộp vào Ngân sách Nhà nước	4.985.364.456	4.985.364.456
Quỹ từ thiện	3.666.571.012	2.808.318.818
Phải trả Bộ Công Thương	-	840.822.223
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	791.829.324	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.553.439.960	112.693.918
	15.601.734.506	36.985.727.866

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

16. Vay dài hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh Hưng Yên (a)	39.638.062.613	67.718.062.613
Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh Hưng Yên 2 (b)	20.765.000.000	28.325.000.000
Tập đoàn Dầu Khí Quốc Gia Việt Nam (c)	229.600.000.000	229.600.000.000
	<hr/>	<hr/>
	290.003.062.613	325.643.062.613
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(265.240.000.000)	(265.240.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	24.763.062.613	60.403.062.613
	<hr/>	<hr/>

- a. Khoản vay này được bảo đảm bằng số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 62.694 triệu VND (31/12/2011: 86.573 triệu VND). Khoản vay này chịu lãi suất 4,2% một năm và số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được hoàn trả trong 16 kỳ hàng tháng, mỗi kỳ trả 2.340 triệu VND và trả toàn bộ số dư còn lại vào kỳ thanh toán cuối cùng.
- b. Khoản vay này được bảo đảm bằng số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 57.814 triệu VND (31/12/2011: 72.554 triệu VND). Khoản vay này gồm hai khoản chịu lãi suất lần lượt là 3% và 6,6% một năm và số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được hoàn trả trong 32 kỳ hàng tháng, mỗi kỳ trả tổng cộng là 630 triệu VND và trả toàn bộ số dư còn lại vào kỳ thanh toán cuối cùng.
- c. Khoản vay này không được bảo đảm, đã quá hạn từ ngày 30 tháng 6 năm 2012 và chưa được gia hạn. Khoản vay chịu lãi suất 3% một năm trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến 30 tháng 6 năm 2012 và chịu lãi suất quá hạn 16,5% một năm kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012.

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Chính sách đánh giá lại tài sản VND	Chính sách tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Người vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Quỹ sắp xếp lại doanh nghiệp VND	Tổng VND
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2011	3.400.000.000.000	255.160.422	76.453.119	8.000.605.626	52.430.368.048	-	-	126.917.829.000	189.440.938.820	3.777.130.355.035
Thăng quỹ từ phân thu về cổ phần hóa công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	84.428.695.587	84.428.695.587
Chính sách tỷ giá hối đoái	-	-	15.427.813	-	-	-	216.011.070.573	-	-	15.427.813
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	216.011.070.573
Phân loại lại cho Quỹ sắp xếp lại doanh nghiệp	-	-	-	-	(25.174.058.408)	174.058.565.839	-	-	(174.058.565.839)	(34.298.843.680)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	(9.124.785.272)	(9.124.785.272)
Phân phối lợi nhuận vào các quỹ	-	-	-	5.047.682.926	20.888.404.413	-	(44.455.024.488)	-	6.741.010.321	(11.777.926.828)
Giảm do ghi nhận lại vốn điều lệ tại công ty con	-	-	-	-	-	(22.747.599.688)	-	-	-	(22.747.599.688)
Giảm do ghi nhận lại nguồn vốn xây dựng cơ bản	-	-	-	-	-	-	-	(84.784.000.000)	-	(84.784.000.000)
Tăng do ghi nhận vốn điều lệ tại công ty con	-	-	-	-	-	4.552.000.000	-	-	-	4.552.000.000
Giảm do chia tách Công ty Cổ phần Dầu từ Xây dựng An Thịnh Thống(ghiảm) khác	-	(255.160.422)	-	343.383.094	-	-	(386.016.127)	-	-	(255.160.422)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2011	3.400.000.000.000	-	91.880.932	13.391.671.646	48.144.714.053	155.862.966.151	171.170.029.958	42.133.829.000	97.436.293.617	3.928.231.385.357
Thăng quỹ từ phân thu về cổ phần hóa công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	34.474.957.684	34.474.957.684
Chính sách tỷ giá hối đoái	-	-	(91.880.932)	-	-	-	-	-	-	(91.880.932)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	229.897.133.020	-	-	229.897.133.020
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	(7.846.242.766)	(7.846.242.766)
Phân phối lợi nhuận vào các quỹ Thống(ghiảm) khác	-	-	-	5.009.228.622	22.989.713.260	(995.341.166)	(39.687.142.000)	-	3.279.430.048	(11.688.200.118)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2012	3.400.000.000.000	-	-	18.400.900.268	71.134.427.313	154.867.624.985	361.380.020.978	42.133.829.000	127.344.438.583	4.175.261.241.127

18. **Vốn góp**

Vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam do Chính Phủ Việt Nam đóng góp toàn bộ.

19. **Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu**

(a) **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Quỹ này được lập nhằm phục vụ hoạt động mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ này được sử dụng cho hoạt động mở rộng kinh doanh, số tiền được sử dụng sẽ được chuyển sang vốn.

(b) **Quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ dự phòng tài chính được trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Hội đồng thành viên của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Quỹ này được lập để phòng ngừa các rủi ro kinh doanh trong tương lai.

(c) **Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được phân loại lại từ quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp. Quỹ này sẽ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo quyết định của Hội đồng Thành viên.

(d) **Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản**

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Bộ Tài chính chuyển cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhằm phục vụ cho mục đích đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ của các trường dạy nghề thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(e) **Quỹ sắp xếp lại doanh nghiệp**

Quỹ sắp xếp lại doanh nghiệp được hình thành từ nguồn thu khi tiến hành cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trực thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam; thu từ việc giao, bán, giải thể, phá sản doanh nghiệp trực thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo quy định của pháp luật và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Quỹ này được sử dụng để hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư và xử lý các vấn đề về tài chính theo quy định của pháp luật; bổ sung vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính và các khoản chi khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

20. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	676.714.486	-
▪ Dịch vụ gia công	68.602.735.413	64.926.151.437
▪ Cung cấp dịch vụ	7.337.656.636	5.957.047.999
▪ Doanh thu cho thuê văn phòng	28.111.902.479	24.633.481.812
▪ Khác	11.441.396.670	3.995.974.787
	<hr/> 116.170.405.684	<hr/> 99.512.656.035
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Khác	-	(90.909)
	<hr/> 116.170.405.684	<hr/> 99.512.565.126

21. Giá vốn hàng bán

	2012 VND	2011 VND
Hàng hoá đã bán	246.504.401	-
Dịch vụ gia công	59.688.321.098	62.016.719.154
Dịch vụ đã cung ứng	11.026.147.809	4.845.812.080
	<hr/> 70.960.973.308	<hr/> 66.862.531.234

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	75.263.347.396	72.315.663.514
Cổ tức	260.536.956.697	230.724.769.945
Lãi từ hoạt động bán cổ phiếu	21.538.217.600	33.179.197.011
Doanh thu hoạt động tài chính khác	361.969.844	3.529.640.179
	<hr/> 357.700.491.537	<hr/> 339.749.270.649

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

23. Chi phí tài chính

	2012 VND	2011 VND
Chi phí lãi vay	26.173.208.688	13.772.830.703
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	-	(18.747.326.791)
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	684.247.585
Các chi phí tài chính khác	1.211.322.355	2.474.344.227
	<u>27.384.531.043</u>	<u>(1.815.904.276)</u>

24. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	229.897.133.020	216.011.070.573
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	57.474.283.255	57.959.743.269
Thuế tương ứng với chi phí không được khấu trừ thuế	6.636.331.068	-
Lỗi tính thuế được sử dụng	-	(385.287.343)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận	1.023.624.851	106.736.560
Thuế tương ứng với thu nhập không bị tính thuế	(65.134.239.174)	(57.681.192.486)
	<u>-</u>	<u>-</u>

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với khoản mục sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	4.094.499.405	1.023.624.851	-	-

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào năm 2017 và chưa được quyết toán.

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

25. Chi tiết doanh thu và lợi nhuận của các đơn vị phụ thuộc

STT	Đơn vị	Chi tiết doanh thu				
		Tổng doanh thu 2012 VND	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 2012 VND	Doanh thu hoạt động tài chính 2012 VND	Thu nhập khác 2012 VND	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2012 VND
1	Văn phòng Công ty mẹ Văn phòng Hà Nội Văn phòng Hồ Chí Minh Tập chí Dệt May	399.237.926.283 383.267.862.595 14.368.958.916 1.601.104.772	40.230.013.635 29.008.938.775 9.653.154.236 1.567.920.624	357.602.533.788 353.740.696.557 3.828.653.083 33.184.148	1.405.378.860 518.227.263 887.151.597 -	234.382.167.362 246.737.151.240 (13.143.287.515) 788.303.637
2	Các đơn vị phụ thuộc Xi nghiệp sản xuất kinh doanh Áo vét Hải Phòng Trung tâm xử lý nước thải KCN Dệt may Phố Nối	76.082.885.504 68.693.031.896 7.389.853.608	75.940.392.049 68.602.735.413 7.337.656.636	97.957.749 90.296.483 7.661.266	44.535.706 - 44.535.706	(4.485.034.342) 1.605.220.931 (6.090.255.273)
3	Tổng cộng	475.320.811.787	116.170.405.684	357.700.491.537	1.449.914.566	229.897.133.020

26. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn Dệt May Việt Nam sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên của Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm kiểm tra xem Cơ quan Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn Dệt May Việt Nam như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Cơ quan Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Tập đoàn Dệt May Việt Nam, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu và các khoản tiền gửi tại các tổ chức tài chính.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn	(i)	584.029.443.640	183.502.531.845
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	765.561.666.206	967.780.869.896
Hợp đồng bảo lãnh đã phát hành	(iii)	387.200.000.000	681.334.500.000
		1.736.791.109.846	1.832.617.901.741

(i) *Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn*

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn của Tập đoàn Dệt May Việt Nam chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Cơ quan Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(ii) *Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác*

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng đối tượng nợ. Tập đoàn Dệt May Việt Nam không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các đối tượng nợ này.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Cơ quan Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Các khoản phải thu đã quá hạn chủ yếu từ các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Cơ quan Tổng Giám đốc tin rằng không có rủi ro trọng yếu từ các khoản phải thu này và không cho rằng các công ty con này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong hạn	634.834.753.093	941.644.755.411
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	-	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	738.854.396	10.217.253.850
Quá hạn trên 180 ngày	160.171.934.917	46.102.736.835
	795.745.542.406	997.964.746.096

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	30.183.876.200	45.029.643.181
Tăng dự phòng trong năm	-	10.096.112.519
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(18.402.918.984)
Hoàn nhập	-	(6.086.325.232)
Giảm do chia tách Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng An Thịnh	-	(452.635.284)
	30.183.876.200	30.183.876.200

(iii) Các hợp đồng bảo lãnh tài chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có chính sách bảo lãnh tài chính cho các công ty con và công ty liên kết. Tại ngày báo cáo, bảo lãnh được phát hành cho các khoản vay của các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn Dệt May Việt Nam không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
31/12/2012					
Phải trả người bán và phải trả khác	62.301.666.953	62.301.666.953	62.301.666.953	-	-
Vay dài hạn	290.003.062.613	292.395.781.399	267.044.841.416	19.614.976.733	5.735.963.250
	352.304.729.566	354.697.448.352	329.346.508.369	19.614.976.733	5.735.963.250
31/12/2011					
Phải trả người bán và phải trả khác	61.743.274.411	61.743.274.411	61.743.274.411	-	-
Vay dài hạn	325.643.062.613	331.338.188.173	268.542.406.774	37.444.841.416	25.350.939.983
Phải trả dài hạn khác	791.829.324	791.829.324	-	791.829.324	-
	388.178.166.348	393.873.291.908	330.285.681.185	38.236.670.740	25.350.939.983

Tập đoàn Dệt May Việt Nam quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn Dệt may Việt Nam có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và các tài sản và nợ phải trả tiền tệ bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt may Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn Dệt may Việt Nam chỉ có một khoản tài sản tiền tệ là tiền bằng ngoại tệ có giá trị theo nguyên tệ là 2.334 Đô la Mỹ. Do đó, rủi ro hối đoái đối với Tập đoàn Dệt may Việt Nam là không trọng yếu.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các công cụ tài chính chịu lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	790.119.980.600	582.966.272.400
Nợ phải trả tài chính	(290.003.062.613)	(325.643.062.613)
	<u>500.116.917.987</u>	<u>257.323.209.787</u>

Do các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đều có lãi suất cố định, sự thay đổi của lãi suất không có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(iii) Các rủi ro thị trường khác

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn sẵn sàng để bán do Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ. Cơ quan Tổng Giám đốc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo dõi các chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Cơ quan Tổng Giám đốc phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	460.776.683.009	460.776.683.009	148.151.439.720	148.151.439.720
- Các khoản đầu tư ngắn hạn	125.000.000.000	125.000.000.000	36.000.000.000	36.000.000.000
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	765.561.666.206	(*)	967.780.869.896	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường	240.419.372.520	149.941.630.400	243.811.522.520	160.614.723.110
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	2.672.168.730.591	(*)	2.633.425.630.591	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(62.301.666.953)	(61.288.474.389)	(61.743.274.411)	(61.743.274.411)
- Vay dài hạn	(290.003.062.613)	(*)	(325.643.062.613)	(*)
- Phải trả dài hạn khác	-	-	(791.829.324)	(*)
	3.911.621.722.760	(*)	3.640.991.296.379	(*)

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này, và (ii) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn chủ sở hữu

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn chủ sở hữu được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và nợ phải trả tài chính phi phải sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và nợ phải trả tài chính phi phải sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

27. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2012 VND	2011 VND
Tăng vốn do nhận khoản đầu tư mới từ các công ty con	-	4.552.000.000
Tăng khoản đầu tư từ phải thu	-	(96.809.760.121)
Giảm khoản đầu tư do ghi giảm Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.	-	84.784.000.000
Giảm tài sản do xác định lại giá trị đã thực hiện	-	2.704.454.830
Giảm khoản phải thu và tài sản ngắn hạn do chia tách một đơn vị phụ thuộc	-	6.342.455.026
Giảm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác do chia tách một đơn vị phụ thuộc	-	10.708.326.599

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các giao dịch sau với các công ty liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2012 VND	2011 VND
Công ty TNHH Dệt 8/3		
Hoàn trả khoản vay	23.420.000.000	10.000.000.000
Thu nhập tiền lãi	-	1.657.905.000
Công ty Cổ phần May Phương Đông		
Cổ tức	1.468.800.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
Cổ tức	21.484.964.000	24.005.373.200
Tiền ứng trước để mua cổ phiếu	11.000.000.000	-

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	Giá trị giao dịch	
	2012 VND	2011 VND
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
Hoàn trả khoản vay	50.000.000.000	-
Thu nhập tiền lãi	8.453.444.446	9.936.111.113
Cổ tức	61.100.000.000	52.000.000.000
Đầu tư góp vốn	32.500.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội		
Khoản cho vay	25.000.000.000	-
Cổ tức	7.081.560.000	-
Thu nhập tiền lãi	1.756.777.776	923.222.222
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP		
Cổ tức	19.710.000.000	19.710.000.000
Góp vốn liên doanh	-	21.900.000.000
Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng		
Hoàn trả khoản vay	15.000.000.000	-
Thu nhập tiền lãi	1.904.791.667	1.460.000.000
Tổng Công ty Cổ phần May 10		
Phí gia công	68.143.609.804	64.528.356.253
Cổ tức	5.326.776.000	5.326.776.000
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài		
Cổ tức	8.351.420.000	6.832.980.000
Đầu tư góp vốn	-	2.970.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
Cổ tức	5.109.790.000	8.029.670.000
Chi phí khác	-	11.000.000.000
Chuyển nhượng cổ phần Công ty đầu tư Vinatex	-	1.119.451.866
Tổng Công ty May Đồng Nai		
Cổ tức	4.599.504.000	4.088.448.000
Công ty Cổ phần đầu tư Vinatex		
Hoàn trả khoản vay	15.000.000.000	28.300.000.000
Thu nhập tiền lãi	8.224.770.135	-
Đầu tư góp vốn	-	13.150.000.000
Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
Cổ tức	6.553.666.000	3.342.370.000
Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát		
Cổ tức	2.145.000.000	-
Công ty Cổ phần Bông Việt Nam		
Cổ tức	4.125.000.000	-

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	Giá trị giao dịch	
	2012 VND	2011 VND
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
Hoàn trả khoản vay	20.000.000.000	-
Thu nhập tiền lãi	4.944.555.555	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP Hồ Chí Minh		
Cổ tức	4.865.700.000	-
Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam		
Thu nhập tiền lãi	19.811.487.741	12.779.043.304
Cổ tức	60.891.264.600	-
Công ty TNHH MTV Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam		
Doanh thu cho thuê nhà	14.628.499.040	11.492.622.605
Công ty Vinatex Hồng Lĩnh		
Góp vốn đầu tư	16.350.000.000	-
Công ty Cổ phần May Hữu Nghị		
Cổ tức	5.631.700.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo		
Cổ tức	5.561.000.000	-
Công ty Cổ phần May Bình Minh		
Cổ tức	3.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Dệt May Đông Á		
Thoái vốn	14.845.500.000	-
Công ty Cổ phần May Chiến Thắng		
Cổ tức	2.448.000.000	-
Công ty Cổ phần May Đáp Cầu		
Cổ tức	1.442.400.000	-
Tổng Công ty Đức Giang – CTCP		
Cổ tức	14.127.699.358	-
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Cổ tức	-	33.514.800.000
Doanh thu cho thuê	-	3.183.054.700
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Dệt May		
Cổ tức	-	7.200.000.000
Doanh thu cho thuê	-	2.704.624.340
Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP		
Cổ tức	-	8.680.000.000

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.448.409.183	10.214.318.953
Chi phí nhân công	68.247.618.442	64.782.951.067
Chi phí khấu hao	34.732.817.810	56.459.633.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.469.903.846	69.970.371.464
Chi phí khác	61.120.689.142	22.770.021.930

Ngày 20 tháng 6 năm 2013

Người lập

Đặng Thị Hải
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:

Phạm Văn Tân
Trưởng Ban Tài chính



Trần Quang Nghị
Tổng Giám đốc